

# DUCHAT

**Để xa tầm tay trẻ em**

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**

## **Thành phần**

Mỗi ml chứa:

Thành phần hoạt chất:

Canxi (dưới dạng canxi lactat pentahydrat 66,66 mg).....	8,67 mg
Thiamin hydroclorid .....	0,2 mg
Riboflavin sodium phosphat .....	0,23 mg
Pyridoxin hydroclorid .....	0,4 mg
Cholecalciferol .....	1 mcg
Alpha tocopheryl acetat .....	1 mg
Nicotinamid .....	1,33 mg
Dexpanthenol .....	0,67 mg
Lysin hydrochloride .....	20 mg

Thành phần tá dược: Kali sorbat, natri benzoat, natri ascorbat, sorbitol, aspartam, sucralose, macrogolglycerol hydroxystearat, hương natural flavor A1385617, natri carmellose, dinatri edetat, acid citric monohydrat, acid phosphoric, nước tinh khiết.

**Dạng bào chế:** Dung dịch uống

Mô tả: Dung dịch lỏng nhớt màu vàng

pH: 3,0 – 6,0

## **Chỉ định**

Dự phòng trong trường hợp thiếu vitamin và acid amin thiết yếu trong giai đoạn tăng trưởng.

Điều trị và phòng ngừa trong các trường hợp thiếu vitamin như ăn kiêng nghiêm ngặt, thời kì dưỡng bệnh, ăn không ngon miệng, sau ốm dậy, nhiễm khuẩn hoặc phẫu thuật.

## **Liều dùng và cách dùng**

Trẻ em từ 1-5 tuổi: 7,5 ml/lần x 1 lần/ngày.

Trẻ em trên 5 tuổi và người lớn: 15 ml/lần x 1 lần/ngày.

Thuốc có thể được hòa với nước hoặc thức ăn. Nên dùng trong bữa sáng hoặc trưa.

## **Chống chỉ định**

Rối loạn chuyển hóa canxi (tăng canxi máu và tăng canxi niệu).

Quá liều vitamin D.

Suy thận.

Sỏi canxi thận.

Sử dụng đồng thời với các chế phẩm chứa vitamin D khác hay nhiễm độc do sử dụng quá nhiều vitamin D.

Phenylketon niệu

Quá mẫn với bất kì thành phần nào của thuốc.

## **Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc**

Không sử dụng trong thời gian dài với liều lớn hơn liều khuyến cáo.

Mỗi ml thuốc có chứa 175 mg sorbitol. Trẻ em với bệnh rối loạn

không dung nạp fructose do di truyền không nên được chỉ định thuốc này.

### **Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú**

Chưa có các nghiên cứu trên phụ nữ có thai và cho con bú, do đó cần cân nhắc giữa lợi ích và nguy cơ khi dùng thuốc.

### **Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc**

Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

### **Tương tác, tương kỵ của thuốc**

Không có sự tương tác với các loại thuốc hoặc thực phẩm khác đã được báo cáo.

### **Tác dụng không mong muốn của thuốc**

Khi sử dụng đúng cách, không có tác dụng phụ nghiêm trọng nào liên quan đến thuốc.

### **Quá liều và cách xử trí**

Không có trường hợp quá liều nào đã được báo cáo.

### **Đặc tính dược lực học**

Mã ATC: A11AA

Thuốc **Duchat** chứa lysin bổ sung dinh dưỡng thiết yếu cho trẻ em và thanh thiếu niên trong độ tuổi phát triển. Thuốc cũng được chỉ định là một sản phẩm bổ sung dinh dưỡng trong thời gian dưỡng bệnh cũng như cho chế độ ăn đặc biệt.

Sự cung cấp đầy đủ các vitamin và khoáng chất thường được đảm bảo bởi một chế độ dinh dưỡng đa dạng và đầy đủ. **Duchat** chứa các vitamin, khoáng chất cũng như lysin. Acid amin thiết yếu này rất quan trọng cho sự hình thành xương. Vì các acid amin thiết yếu không thể tự tạo ra bởi cơ thể nên chúng phải được cung cấp cho cơ thể với số lượng đủ. Các phức hợp vitamin B cũng rất cần thiết cho hoạt động bình thường của các quá trình trao đổi chất khác nhau. Khoáng chất calci không thể thiếu cho sự hình thành khối lượng xương. Chúng chủ yếu được cung cấp bởi sữa và các sản phẩm từ sữa.

### **Đặc tính dược động học**

Không có sẵn dữ liệu về dược động học.

### **Quy cách đóng gói**

Ống nhựa 7,5 ml. Hộp 20 ống nhựa.

**Bảo quản:** Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C.

**Hạn dùng của thuốc:** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

**Tiêu chuẩn chất lượng:** Tiêu chuẩn cơ sở.

Nhà sản xuất



**Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội**

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, Thường Tín, Hà Nội